TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản và cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến

2. Bà Nguyễn Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và cọc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1984 "có mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1971 "có mặt".

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, đường H, KP2, phường M, quận J, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị U: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: số C, đường T, KP2, phường P, quận S, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 13/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh X trình bày: Vào ngày 28/4/2022 chị (bên mua) có ký hợp đồng mua bán cam trái với chị Nguyễn Thị U (bên bán) cụ thể: Mua cam trái; số lượng bao hết vườn khoảng trên 30 tấn; đơn giá 12.000đồng/kg; diện tích 11 công; vị trí vườn ấp Hiệp Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; thỏa thuận "bốc" hàng trừ những quả không đạt tiêu chuẩn, nhận hàng tại vườn. Bên chị đến nhận hàng mà chị U không có hàng giao hoặc giao hàng không đúng thỏa thuận thì bên chị U phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện. Khi nhận hàng bên chị có trách nhiệm kiểm tra chất lượng hàng, nếu rời khỏi bãi thì bên chị U không phải chịu trách nhiệm. Trong thời hạn hợp đồng bên chị U không được quyền bán cam cho người khác. Vi phạm hợp đồng, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hình thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản; phương thức thanh toán nhiều lần sau mỗi đợt nhận hàng. Tiền cọc đưa trước 30.000.000đồng. Thời hạn cắt cam từ ngày 28/4/2022 đến ngày 25/5/2022.

Sau khi thực hiện hợp đồng chị cắt cam lần đầu vào ngày 29/4/2022 được 5,4tấn, đã thanh toán đầy đủ theo hợp đồng thỏa thuận. Đến ngày 11/5/2022 chị tiếp qua vườn cam để hẹn chị U ngày 14/5/2022 cắt cam tiếp, nhờ chị U thuê thợ cắt cam thì phát hiện chị U đã cắt cam bán cho người khác vào ngày 11/5/2022 khoảng 03 tấn nên chị có nhờ công an lập biên bản sự việc. Do chị U vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho chị nên buộc chị Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả lại tiền đặc cọc 30.000.000đồng; bồi thường tiền do vi phạm 30.000.000đồng; bồi thường chi phí vận chuyển 01 lần, dụng cụ sọt cắt đựng cam, công thợ là 15.800.000đồng gồm tiền thuê xe 11.500.000đồng, tiền thuê 200 sọt 4.000.000đồng, tiền thuê 01 người làm 300.000đồng/ngày. Tổng cộng yêu cầu chị Nguyễn Thị U bồi thường số tiền 75.800.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị U trình bày: Chị thừa nhận ngày 28/4/2022 có ký kết hợp đồng mua bán cam với chị Phạm Thị Thanh X, diện tích khoảng 11 công, ước lượng cam khoảng 30 tấn, giao hàng tại vườn, mua bán cam đợt nào trả đợt đó, giá thỏa thuận 12.000đồng/kg, có đặt cọc 30.000.000đồng. Thời gian cắt cam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/5/2022 là kết thúc hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng thì ngày 29/4/2022 chị X có đến cắt cam được 5.460kg cam trái, giá 12.000đồng/kg bằng

65.520.000đồng rồi chị X ngưng, chị có nhắc nhỡ nhưng chị X không cắt cam. Ngày 07/5/2022 do muốn chị X cắt cam nhanh nên chị tự hạ giá xuống còn 11.000đồng/kg, có viết tiếp sau bảng hợp đồng và chụp ảnh gửi cho chị X, thỏa thuận cắt cam liên tục đến hết cam nhưng chị X vẫn không hái cam. Do thời điểm này cam đang cho trái dẫn đến suy yếu, kiệt quệ, vàng úa và chết, số lượng cam chết khoảng 03 công, nếu cam chết gây thiệt hại lớn. Do chị X không hái cam nên ngày 09/5/2022 chị nhờ hộ lân cận và trưởng ấp xác nhận cây cam đang suy yếu, có thể dẫn đến chết cây hàng loạt. Ngày 11/5/2022 chị bán cam cho người khác nhằm hạn chế thiệt hại. Theo yêu cầu chị X chị đồng ý trả lại tiền cọc 30.000.000đồng, còn lại các phần khác chị không đồng ý.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn rU một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu chị U trả lại tiền 30.000.000đồng tiền đặc cọc và phạt cọc 30.000.000đồng. Tổng cộng 60.000.000đồng. Đối với phần bồi thường thiệt hại 15.800.000đồng chị X rU yêu cầu.

Bị đơn chỉ đồng ý trả lại tiền cọc 30.000.000đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328, 393, 430, 434, 437 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh X.

Đình chỉ xét xử đối với phần bồi thường thiệt hại 15.800.000đ (mười lăm triệu tám trăm ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thanh X số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị U nộp 3.000.000đồng. Hoàn trả chị Phạm Thị Thanh X số tiền tạm ứng án phí 1.895.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị U, địa chỉ ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trả lại tiền cọc mua bán cam và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản và cọc nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 28/4/2022 chị Phạm Thị Thanh X (là người mua) và chị Nguyễn Thị U (là bên bán cam) có ký hợp đồng mua bán cam trái, cụ thể: số lượng mua hết vườn cám trái khoảng trên 30 tấn; đơn giá 12.000đồng/kg; diện tích 11 công 11.000m^2; vị trí vườn ấp Hiệp Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; Vi phạm hợp đồng bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hình thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản; phương thức thanh toán nhiều lần sau mỗi đợt nhận hàng. Tiền cọc đưa trước 30.000.000đồng vào ngày 28/4/2022. Thời hạn cắt cam từ ngày 28/4/2022 đến 25/5/2022. Thực hiện hợp đồng chị X cắt cam lần đầu vào ngày 29/4/2022 được 5,4tấn, đã thanh toán đủ tiền đúng theo hợp đồng thỏa thuận. Đến ngày 11/5/2022 chị U đã bán số lượng cam còn lại cho người khác. Sự việc hai bên thừa nhận nên không các bên không phải chứng minh.

Xét tại phiên tòa nguyên đơn rU một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường thiệt hại 15.800.00đồng. Xét việc rU đơn của chị X là tự nguyện nên Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu này theo quy định của Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị U cho rằng vào ngày 07/5/2022 do muốn chị X hái cam nhanh nên chị tự hạ giá xuống còn 11.000đồng/kg, việc thay đổi thỏa thuận này chị U có viết tiếp sau vào bản hợp đồng và chụp ảnh bằng điện thoại gửi cho chị X để yêu cầu chị X cắt cam tiếp. Tuy nhiên, việc thay đổi thỏa thuận bổ sung này chị X không đồng ý, chị U không có chứng cứ nào chứng minh chị X đồng ý phần bổ sung hợp đồng nên việc thay đổi hợp đồng không phát sinh hiệu lực. Do đó hợp đồng ngày 28/4/2022 có giá trị pháp lý. Việc chị U bán cam cho người khác vào ngày 11/5/2022 là trong thời hạn hợp đồng (từ 29/4/2022 đến 25/5/2022) là vi phạm nên phải trả lại tiền cọc đã nhận 30.000.000đồng và phạt cọc 30.000.000đồng theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị U nộp toàn bộ án phí là 3.000.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328, 393, 401, 430, 434, 437 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh X.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị U bồi thường thiệt hại hợp đồng là 15.800.000đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Thanh X số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị Nguyễn Thị U chưa trả xong số tiền trên cho bà X thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị U nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Thanh X đã nộp 1.895.000đ (một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014568 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện T;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong